

ĐÓNG GÓP CỦA TFP TRONG TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ CỦA TỈNH HÀ GIANG GIAI ĐOẠN 2011-2020

Phan Đăng Đông¹, Nguyễn Thị Thu Thương²

Tóm tắt

Nghiên cứu phân tích đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) trong tăng trưởng kinh tế của tỉnh Hà Giang sử dụng phương pháp hạch toán, dựa trên bộ dữ liệu niên giám thống kê của tỉnh trong giai đoạn 2011-2020. Kết quả nghiên cứu cho thấy, trong ba yếu tố tác động đến tốc độ tăng GRDP của tỉnh Hà Giang giai đoạn 2011-2020, tốc độ tăng vốn cao nhất với mức bình quân 11,59%/năm; lao động tăng 0,12%/năm; tốc độ tăng TFP bình quân đạt 1,36%/năm. Bên cạnh đó, tăng trưởng kinh tế của tỉnh Hà Giang vẫn phụ thuộc nhiều về sự gia tăng của nguồn vốn đầu tư, với tỷ phần đóng góp chiếm hơn 88%. Đóng góp của TFP vào tăng trưởng GRDP của tỉnh giai đoạn này chỉ đạt 10,26%.

Từ khóa: Tăng trưởng, GRDP, TFP, vốn, lao động, Hà Giang

CONTRIBUTION OF TFP TO ECONOMIC GROWTH OF HA GIANG PROVINCE DURING THE PERIOD FROM 2011 TO 2020

Abstract

This study aims to analyze the contribution of total factor productivity (TFP) to the economic growth of Ha Giang province, using the growth accounting method, based on the provincial statistical yearbook data set for the period from 2011 to 2020. The research results show that, of the three factors affecting the growth rate of GRDP in Ha Giang province over the period 2011-2020, the capital growth rate has the highest effect with an average rate of 11.59%; the growth rate of labour increases by 0.12% per year; the average growth rate of TFP is 1.36% per year. Besides, the economic growth of Ha Giang province still depends heavily on the increase of investment capital, with the contribution rate accounting for more than 88%. TFP's contribution to the province's GRDP growth in this period is only 10.26%.

Keywords: Economic growth, GRDP, TFP, capital, labor, Ha Giang.

JEL classification: O.

1. Đặt vấn đề

Mô hình phát triển theo chiều rộng đã mang lại nhiều thành tựu quan trọng và to lớn cho quốc gia cũng như các địa phương trong cả nước. Tuy nhiên, việc duy trì mô hình phát triển này quá lâu, ảnh hưởng nhiều đến năng suất, chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế cũng như sự tăng trưởng bền vững trong tương lai. Vì vậy, việc thay đổi mô hình tăng trưởng là nhiệm vụ cần thiết, cấp bách đặt ra đối với Việt Nam và các tỉnh, thành trong cả nước hiện nay.

Hà Giang là tỉnh vùng cao, biên giới địa đầu cực Bắc của Tổ quốc, có vị trí địa chính trị quan trọng, nhiều tiềm năng, lợi thế để phát triển kinh tế. Kinh tế xã hội của tỉnh Hà Giang đã có những chuyển biến tích cực. Tốc độ tăng tổng sản phẩm bình quân đạt mức 6,8%, mức khá so các tỉnh trong khu vực, tổng sản phẩm bình quân đầu người năm 2020 đạt 30 triệu đồng/người, tăng 57,4% so năm 2015. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng nông-lâm nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ (Cục Thống kê tỉnh Hà Giang, 2021).

Trong giai đoạn 2010-2020, tăng trưởng kinh tế của tỉnh chủ yếu là tăng trưởng theo chiều rộng, tức là dựa nhiều vào yếu tố tăng vốn đầu tư, lao động và khai thác tài nguyên. Nếu cứ tiếp

tục phát triển theo mô hình này sẽ làm cho nền kinh tế khó tăng trưởng bền vững và có nguy cơ dẫn đến suy thoái. Do đó, đổi mới mô hình tăng trưởng là cần thiết để giải quyết bài toán tương lai cho tỉnh Hà Giang. Ngoài việc tích lũy các yếu tố sản xuất, cần chú trọng đến vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cải tiến trình độ công nghệ, trình độ quản lý, chất lượng lao động,... nhằm khai thác hiệu quả hơn nữa nguồn lực xã hội. Nội dung đổi mới có thể khái quát là thay đổi một cách căn bản phương thức tăng trưởng kinh tế dựa vào việc nâng cao đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào GRDP.

Phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên cơ sở hiệu quả, phát triển bền vững nhằm nhanh chóng ra khỏi tình trạng kém phát triển, đạt và vượt chỉ tiêu đã được xác định trong Nghị quyết 37 của Bộ Chính trị đối với vùng Trung Du miền núi phía Bắc và thu hẹp khoảng cách chênh lệch về trình độ phát triển giữa Hà Giang với cả nước và của cả vùng. Tuy nhiên, đánh giá sự phát triển bền vững dựa trên phân tích TFP tại tỉnh Hà Giang đến nay vẫn chưa được đo lường và phân tích một cách đầy đủ và toàn diện.

2. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Năng suất là đại lượng biểu thị mối quan hệ

giữa hai yếu tố: Đầu vào và đầu ra. Năng suất phản ánh hiệu quả của việc sử dụng các nguồn lực đầu vào và được đo lường bằng các yếu tố đầu ra thu được. Theo khái niệm năng suất cổ điển thì năng suất có nghĩa là năng suất lao động (NSLĐ) hoặc hiệu suất sử dụng các nguồn lực. Năng suất lao động phản ánh mức độ hiệu quả của lao động kết hợp với các yếu tố khác. Năng suất lao động là chỉ tiêu quan trọng phản ánh trình độ sản xuất của một tổ chức, đơn vị hoặc một quốc gia.

Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) trong nhiều năm đã đưa ra quan điểm tiên bộ hơn về năng suất, đó là việc sử dụng có hiệu quả những nguồn lực: vốn, đất đai, nguyên vật liệu, năng lượng, thông tin và thời gian chứ không chỉ bó hẹp trong yếu tố lao động. Nhưng nếu chỉ dừng ở quan điểm như vậy thì năng suất chỉ xét đến các yếu tố đầu vào mà chưa đề cập đến giá trị đầu ra. Mà đầu ra là yếu tố quan trọng quyết định khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trong bối cảnh nền kinh tế thị trường.

Hiện nay, định nghĩa về năng suất được coi là có cơ sở khoa học và hoàn chỉnh nhất là định nghĩa do Ủy ban Năng suất thuộc Hội đồng Năng suất chi nhánh Châu Âu đưa ra. Theo đó, “năng suất là phong cách nhằm tìm kiếm sự cải thiện không ngừng những gì đang tồn tại; đó là sự khẳng định rằng người ta có thể làm cho hôm nay tốt hơn hôm qua và ngày mai sẽ tốt hơn hôm nay; hơn thế nữa, nó đòi hỏi những nỗ lực không ngừng để thích ứng các hoạt động kinh tế với những điều kiện luôn luôn thay đổi và việc áp dụng các lý thuyết và phương pháp mới”. (Ủy ban Năng suất thuộc Hội đồng Năng suất Châu Á (APO), 2011).

Tăng năng suất hay tăng năng suất lao động là sự tăng lên của sức sản xuất hay năng suất lao động, là sự thay đổi làm rút ngắn thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra nhiều giá trị sử dụng hơn. Theo tác giả Tăng Văn Khiên (2005) “TFP suy cho cùng là kết quả sản xuất mang lại do nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và lao động (các nhân tố hữu hình), nhờ tác động của các nhân tố vô hình như đổi mới công nghệ, hợp lý hoá sản xuất, cải tiến quản lý, nâng cao trình độ lao động của công nhân, v.v... (gọi chung là các nhân tố tổng hợp - các nhân tố về trình độ công nghệ tiềm ẩn trong các yếu tố cơ bản là vốn và lao động)”.

Theo tác giả Trần Thọ Đạt (2005), phần còn lại (trong kết quả sản xuất tăng lên sau khi loại trừ phần đóng góp do yếu tố đầu tư thêm về lao động nhân công, tư bản, tài nguyên...) ... được gọi là năng suất nhân tố tổng hợp (TFP). Theo Trung tâm Năng suất Việt Nam (2009), TFP phản ánh sự đóng góp của các yếu tố vô hình như kiến thức-kinh nghiệm- kỹ năng lao động, cơ cấu lại nền

kinh tế hay hàng hoá-dịch vụ, chất lượng vốn đầu tư mà chủ yếu là chất lượng thiết bị công nghệ, kỹ năng quản lý.

Năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) là chỉ tiêu phản ánh kết quả sản xuất mang lại do nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và lao động nhờ vào tác động của các nhân tố đổi mới công nghệ, hợp lý hóa sản xuất, cải tiến quản lý, nâng cao trình độ lao động,... Theo đó, chúng ta có thể chia kết quả sản xuất thành ba phần:

- (i) phần do vốn tạo ra,
- (ii) phần do lao động tạo ra;
- (iii) phần do nhân tố tổng hợp tạo ra.

Với cách tiếp cận này, hàm sản xuất có dạng:

$$Y = F(K, L, TFP)$$

Trong đó: Y là tổng sản phẩm của nền kinh tế (GRDP); K là vốn; L là lao động và TFP là năng suất các nhân tố tổng hợp.

Phân tích đóng góp của TFP vào tăng trưởng kinh tế đã được trong nhiều nghiên cứu đề cập ở Việt Nam (Nguyễn Thị Cành (2004), Trần Thọ Đạt (2005), Tăng Văn Khiên (2005), Lê Oanh Trường (2015), Phan Nguyễn Khánh Long (2012), Nguyễn Duy Thục (2018), Đỗ Văn Xê và Nguyễn Hữu Đăng (2017), Trần Quang Huy và cs. (2020). Tuy nhiên, cách tiếp cận này vẫn còn rất mới mẻ tại tỉnh Hà Giang. Do đó, nghiên cứu của chúng tôi được thực hiện nhằm xác định tốc độ tăng của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) và tỷ trọng đóng góp TFP vào tăng trưởng kinh tế tỉnh Hà Giang giai đoạn 2010-2020. Trên cơ sở đó cung cấp những luận cứ khoa học phục vụ việc đánh giá một cách khái quát thực trạng đóng góp của TFP vào tăng trưởng GRDP trên địa bàn tỉnh, từ đó đưa ra giải pháp cho giai đoạn tiếp theo để tham mưu cho UBND tỉnh và các Sở, ngành có những định hướng trong chính sách phát triển kinh tế trên địa bàn.

3. Phương pháp nghiên cứu.

3.1. Phương pháp tính năng suất nhân tố tổng hợp

Hiện nay, trên thế giới đang nghiên cứu về tốc độ tăng TFP và đóng góp của TFP vào tăng trưởng GRDP theo 2 hướng : (i) phương pháp hạch toán tăng trưởng và (ii) phương pháp hàm sản xuất của Cobb-Douglas. Đề phù hợp với giai đoạn nghiên cứu, nguồn số liệu và mục đích nghiên cứu, chúng tôi tính tốc độ tăng TFP và đóng góp của TFP vào tăng trưởng kinh tế tỉnh Hà Giang theo phương pháp hạch toán.

Công thức tính tốc độ tăng năng suất các nhân tố tổng hợp theo phương pháp hạch toán do Tổ chức Năng suất Châu Á đưa vào áp dụng có dạng:

$$i_{TFP} = i_Y - (\alpha \cdot i_K + \beta \cdot i_L)$$

Trong đó:

i_{TFP} - Tốc độ tăng năng suất các nhân tố tổng hợp.

i_Y - tốc độ tăng kết quả sản xuất (kết quả sản xuất là giá trị tăng thêm đối với từng ngành kinh tế, từng đơn vị hoặc từng khu vực, từng địa phương).

$$i_Y = \frac{1}{Y} \frac{dY}{dt}$$

i_K - tốc độ tăng vốn hoặc tài sản cố định;

$$i_K = \frac{1}{K} \frac{dK}{dt}$$

i_L - tốc độ tăng số lao động/dân số thực tế;

$$i_L = \frac{1}{L} \frac{dL}{dt}$$

α là hệ số đóng góp của vốn hoặc tài sản cố định và β là hệ số đóng góp của lao động ($\alpha + \beta = 1$)

β = thu nhập của người lao động / Giá trị gia tăng theo giá so sánh.

Trên thực tế, hệ số lao động và vốn tính theo phương pháp hạch toán thường ổn định hơn (có thay đổi, nhưng thay đổi ít và từ từ) và hơn nữa tính được các hệ số đóng góp của vốn và lao động cho từng năm. Còn tính theo phương pháp hàm sản xuất Cobb-Douglas thì giữa các ngành, các khu vực cũng như các thành phần kinh tế có thể thay đổi và khác nhau đáng kể, nên áp dụng hệ số lao động và vốn để tính tốc độ tăng TFP trong nhiều trường hợp còn chưa hợp lý, có nhiều kết quả tính ra chưa thể chấp nhận được và hơn nữa chỉ có một hệ số áp dụng cho nhiều năm. Vì vậy trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng phương pháp hạch toán để tính tốc độ tăng và đóng góp của TFP vào GRDP của tỉnh Hà Giang.

3.2. Dữ liệu nghiên cứu

Để tính chỉ tiêu tốc độ tăng TFP và đóng góp của TFP vào tăng trưởng kinh tế của một địa phương, cụ thể là tỉnh Hà Giang giai đoạn 2010-2020, đòi hỏi nguồn số liệu bao gồm các chỉ tiêu đầu vào:

- Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) được tính theo giá hiện hành và giá so sánh 2010 giai đoạn 2010-2021. Trong quá trình tính TFP cần dùng GRDP theo giá so sánh 2010 để tính tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh, GRDP theo giá hiện hành để tính toán hệ số đóng góp của lao động (β) và hệ số đóng góp của tài sản cố định (α).

- Vốn đầu tư xây dựng trên địa bàn từ năm 2000-2020: Từ nguồn số liệu vốn đầu tư hàng năm trên địa bàn dùng để tính gián tiếp tài sản cố định tích lũy hàng năm, qua đó tính được tốc độ tăng của vốn cố định (hay TSCĐ).

Tính K cuối năm:

Kcuối năm = K đầu năm + K tăng thêm – K giảm đi

Tính K bình quân trong năm:

K bình quân trong năm = (K đầu năm + K cuối năm)/2

- Dân số của tỉnh giai đoạn 2010-2020: Trên cơ sở số liệu dân số được Cục Thống kê thông báo chính thức hàng năm trong Niên giám Thống kê.

- Lao động đang làm việc giai đoạn 2010-2020: Trên cơ sở số liệu lao động của Tổng Cục Thống kê công bố hằng năm và kết quả điều tra hằng năm của Cục Thống kê công bố trong Niên giám Thống kê.

- Thu nhập đầy đủ của người lao động từ sản xuất kinh doanh giai đoạn 2010-2020 (dùng để tính hệ số α và β): được khai thác từ Niên giám Thống kê hằng năm của Cục Thống kê.

4. Kết quả nghiên cứu: Tăng trưởng TFP và đóng góp của TFP trong tăng trưởng kinh tế tỉnh Hà Giang

4.1. Tốc độ tăng trưởng của các chỉ tiêu kinh tế và TFP tỉnh Hà Giang

Để phát triển kinh tế trong dài hạn bền vững, các nền kinh tế đang chuyển dần từ phát triển kinh tế theo chiều rộng sang phát triển theo chiều sâu. Từ các yếu tố đầu vào (chủ yếu là vốn và lao động) thì yếu tố năng suất nhân tố tổng hợp đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế bền vững. Năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) được đánh giá dựa trên hai yếu tố chính là tốc độ tăng TFP và tỷ phần đóng góp của TFP vào tăng trưởng GRDP của địa phương.

Tính toán tốc độ tăng TFP và đóng góp của TFP vào tăng trưởng kinh tế tỉnh Hà Giang theo phương pháp hạch toán thu được kết quả thu được như sau:

Trong giai đoạn 2011-2020, tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân của tỉnh Hà Giang là 6,10%, tốc độ tăng trưởng cao nhất vào năm 2011 với 7,74% và thấp nhất vào năm 2020 với 1,7%. Tốc độ tăng trưởng của vốn đầu tư cao hơn tốc độ tăng trưởng của lao động, tính trung bình cho cả giai đoạn tốc độ tăng vốn đầu tư là 11,59%, tốc độ tăng cao nhất là năm 2011 với 19,20% và thấp nhất là năm 2015 với 8,31%. Tốc độ tăng trưởng lao động không quá cao, với mức trung bình là 0,12%, dao động ở mức từ 0,08% năm 2015 đến 0,19% vào năm 2011 (Bảng 1).

Số liệu bảng 1 cũng cho thấy, trong ba yếu tố tác động đến tốc độ tăng của GRDP giai đoạn 2011-2020, tốc độ tăng vốn cao nhất với mức bình quân 11,59%/năm; lao động tăng 0,12%/năm; tốc độ tăng TFP bình quân đạt 1,36%/năm. Trong giai đoạn này tốc độ tăng của hai yếu tố vốn và lao động đều có xu hướng chậm dần qua các năm,

năm 2011 tốc độ tăng nguồn vốn đạt 19,20% và giảm dần đến năm 2016 với mức tăng 8,66%, sau đó có sự gia tăng nhẹ vào những năm tiếp sau, với 11,36% vào năm 2020. Trung bình trong giai đoạn từ năm 2011-2015, tốc độ tăng bình quân của vốn là 13,05%, và giai đoạn 2016-2020 là 10,13%. Lao động năm 2011 tăng 0,19% và đến năm 2015 tăng 0,08%, những năm tiếp theo dao động xung quanh 0,09%. Tốc độ tăng TFP giai đoạn 2011-

2017 có xu hướng tăng dần, năm 2011 tăng -1,9%, đến năm 2015 tăng 2,45%, năm 2016 tăng 2,66% và đến năm 2017 tăng 4,24%, là mức tăng cao nhất trong cả giai đoạn nghiên cứu, từ sau năm 2017 tốc độ tăng của TFP giảm dần và đạt giá trị -2,67% vào năm 2020. Tốc độ tăng của TFP có giá trị âm vào năm 2020 có thể là do ảnh hưởng của đại dịch COVID 19.

Bảng 1: Tăng trưởng GRDP, vốn, lao động và TFP của tỉnh Hà Giang giai đoạn 2011-2020, %

Năm	Tốc độ tăng GRDP	Tốc độ tăng Nguồn vốn	Tốc độ tăng Lao động	Tốc độ tăng TFP
2011	7,74	19,20	0,19	-1,90
2012	6,86	15,47	0,15	0,09
2013	7,16	13,27	0,13	1,77
2014	5,90	9,01	0,09	2,28
2015	5,50	8,31	0,08	2,45
2016	6,14	8,66	0,09	2,66
2017	7,72	9,40	0,09	4,24
2018	5,89	10,24	0,10	2,37
2019	6,43	11,01	0,11	2,31
2020	1,70	11,36	0,11	-2,67
Bình quân 2011-2015	6,63	13,05	0,13	0,94
Bình quân 2016-2020	5,58	10,13	0,10	1,78
Bình quân 2011-2020	6,10	11,59	0,12	1,36

Nguồn: Cục Thống kê Hà Giang và số liệu tính toán của nhóm nghiên cứu

Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2011-2020 là 6,1%/năm. Trong đó tăng TSCĐ đóng góp 4,67 điểm %; tăng lao động đóng góp 0,07 điểm % và tăng TFP đóng góp 1,36 điểm % (Bảng 2).

4.2. Tỷ lệ đóng góp của yếu tố TFP đến tăng trưởng kinh tế tỉnh Hà Giang

Tỷ phần đóng góp của các yếu tố vào tăng trưởng GRDP trong giai đoạn 2011-2020 tỉnh Hà Giang: Yếu tố vốn vẫn đóng vai trò chủ đạo với tỷ phần đóng góp bình quân 88,38%, lao động đóng góp 1,35% và TFP đóng góp 10,26%. Có thể thấy tỷ phần đóng góp của vốn và lao động qua các năm có xu hướng giảm dần, ngoại trừ năm 2020. Đóng

góp của vốn năm 2011 là 123,29%, năm 2014 là 60,38% và đến năm 2017 còn 44,25%, sau đó đóng góp của vốn tăng dần từ năm 2018. Đóng góp của lao động năm 2011 là 1,25%, năm 2014 là 0,92% và đến năm 2017 còn 0,78%. Trong khi đó, tỷ phần đóng góp của TFP trong tăng trưởng GRDP tăng dần qua các năm trong cả giai đoạn 2011-2020, ngoại trừ năm 2020, năm 2011 tỷ phần đóng góp của TFP là -24,54%, năm 2013 là 24,71%, năm 2014 là 38,69% và đến năm 2017 là 54,98%. Tuy nhiên từ năm 2018, đóng góp của TFP vào tăng trưởng GRDP của tỉnh Hà Giang lại có xu hướng giảm.

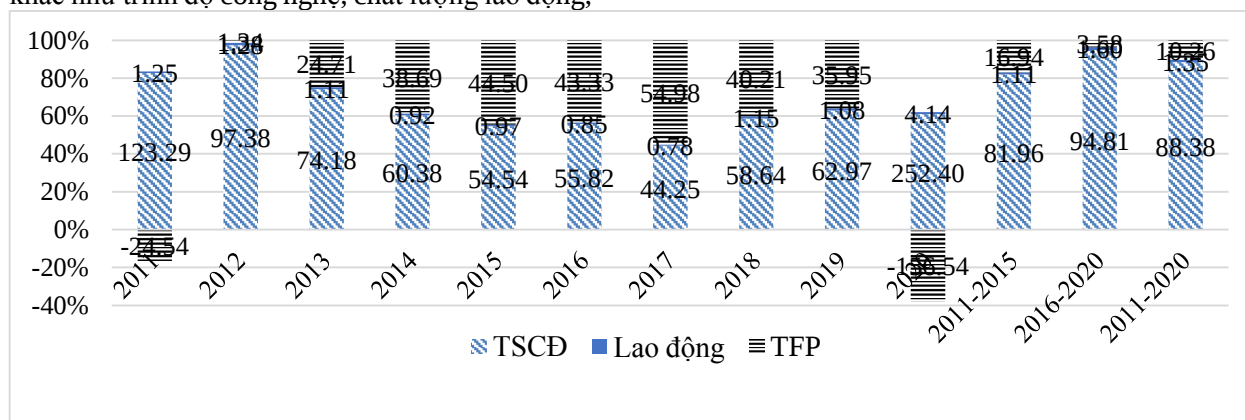
Bảng 2: Đóng góp các yếu tố vào tăng trưởng kinh tế, %

Năm	Tốc độ tăng GRDP	Đóng góp vào tăng trưởng GRDP			Tỷ phần đóng góp vào tăng trưởng GRDP		
		VCD	Lao động	TFP	VCD	Lao động	TFP
2011	7,74	9,54	0,10	-1,90	123,29	1,25	-24,54
2012	6,86	6,68	0,09	0,09	97,38	1,28	1,34
2013	7,16	5,31	0,08	1,77	74,18	1,11	24,71
2014	5,90	3,56	0,05	2,28	60,38	0,92	38,69
2015	5,50	3,00	0,05	2,45	54,54	0,97	44,50
2016	6,14	3,43	0,05	2,66	55,82	0,85	43,33
2017	7,72	3,41	0,06	4,24	44,25	0,78	54,98
2018	5,89	3,45	0,07	2,37	58,64	1,15	40,21
2019	6,43	4,05	0,07	2,31	62,97	1,08	35,95
2020	1,70	4,30	0,07	-2,67	252,40	4,14	-156,54
Bình quân 2011-2015	6,63	5,62	0,07	0,94	81,96	1,11	16,94
Bình quân 2016-2020	5,58	3,73	0,06	1,78	94,81	1,60	3,58
Bình quân 2011-2020	6,10	4,67	0,07	1,36	88,38	1,35	10,26

Nguồn: Cục Thống kê Hà Giang và số liệu tính toán của nhóm nghiên cứu

Trong giai đoạn 2011-2020, tỷ phần đóng góp vào tăng trưởng kinh tế tính của vốn và lao động chiếm 84,73%, đóng góp của TFP chỉ chiếm 10,26% (Hình 1). Con số này cho thấy trong giai đoạn này tăng trưởng của tỉnh chủ yếu dựa vào tăng huy động vốn đầu tư và lao động, các yếu tố khác như trình độ công nghệ, chất lượng lao động,

quy trình quản lý... đóng góp vào tăng trưởng GRDP còn hạn chế. Chứng tỏ, nền kinh tế của tỉnh trong giai đoạn 2011-2020 đi theo hướng tăng trưởng về số lượng, tức vẫn chủ yếu phát triển theo chiều rộng, chưa chuyển mạnh sang phát triển theo chiều sâu.



Hình 1: Tỷ phần đóng góp của vốn, lao động và TFP vào tăng trưởng GRDP tỉnh Hà Giang giai đoạn 2011-2020

Trong tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh, tăng vốn đầu tư chiếm 88,38% là khá lớn. Nguồn vốn đầu tư chủ yếu là nguồn vốn từ ngân sách nhà nước vào các dự án trọng điểm như các công trình thủy lợi, công trình phục vụ cộng đồng (đường xá, bệnh viện, trường học,...) và vốn ngoài nhà nước (khu vực tư nhân, đầu tư nước ngoài) chủ yếu đầu tư vào lĩnh vực dịch vụ du lịch như, khách sạn, nhà hàng, homestay,... Yếu tố lao động chỉ đóng góp 1,35%, điều này cho thấy, tăng trưởng kinh tế của tỉnh không dựa vào yếu tố số lượng lao động, nguồn lao động địa phương bình quân hàng năm trong thời kỳ 2011-2015 tăng

1,88%. Tuy nhiên, trong lao động địa phương, lao động khu vực nông lâm nghiệp thủy sản chiếm phần lớn (chiếm trên 60% tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế). Ngoài ra trình độ lao động đang làm việc trong các ngành sản xuất kinh doanh của tỉnh nhìn chung còn thấp, chủ yếu là lao động các vùng lân cận và lao động nông thôn, tập trung chủ yếu vào các ngành nông lâm nghiệp thủy sản, và các ngành phục vụ du lịch như khách sạn, nhà hàng. Lao động trong các ngành công nghiệp, dịch vụ chất lượng cao, kinh tế tri thức còn chiếm tỷ trọng rất thấp.

5. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy, sự phát triển kinh tế của tỉnh Hà Giang trong giai đoạn 2011-2020 vẫn phụ thuộc nhiều về sự gia tăng của nguồn vốn đầu tư với tỷ phần đóng góp chiếm hơn 88%. Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư mặc dù đã có cải thiện và năng suất lao động đã có sự thay đổi nhưng còn chậm. Đóng góp của TFP vào tăng trưởng GRDP của tỉnh giai đoạn này đạt 10,26%, tốc độ tăng TFP bình quân đạt 1,36%/năm. Chất lượng tăng trưởng kinh tế tỉnh Hà Giang trong giai đoạn này chưa cao, yếu tố tăng năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vẫn còn thấp. Tỷ phần đóng góp các yếu tố vốn và lao động có xu hướng giảm dần, tỷ phần đóng góp của TFP tăng dần. Điều đó cho thấy chất lượng tăng trưởng kinh tế của tỉnh Hà Giang đang dần được cải thiện rõ rệt trong suốt giai đoạn này và đang có dấu hiệu dịch chuyển dần từ chiều rộng sang chiều sâu. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, chúng tôi đưa ra các nhóm giải pháp chung và giải pháp cụ thể sau:

Giải pháp chung:

Tạo điều kiện để khu vực tư nhân ngày càng lớn mạnh về quy mô, không ngừng nâng cao năng suất và sức cạnh tranh. Nghiên cứu đầy đủ nội dung của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 để xây dựng các chính sách thực hiện cụ thể vào một số ngành, lĩnh vực kinh tế để theo kịp cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 trong cả nước. Cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp thể mạnh của tỉnh. Tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học phục vụ nông nghiệp. Thu hút mạnh doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn nông thôn để chuyển nhanh lao động nông nghiệp sang công nghiệp, dịch vụ có năng suất cao hơn. Chuyển dịch lao động từ nông nghiệp sang các ngành công nghiệp và dịch vụ có giá trị cao.

Giải pháp cụ thể:

Giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: tăng cường đầu tư cho giáo dục và đào tạo, nâng cao tay nghề và trình độ kỹ thuật cho người lao động đáp ứng yêu cầu phát triển của nhiều ngành nghề mới; nâng cao trình độ văn hoá và trình độ nhận thức cho người lao động, từng bước xây dựng và hoàn thiện các cơ sở dạy nghề hiện có theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, tăng tính thực tiễn, sát với thực tế của địa phương, đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp trên địa bàn; xây dựng các cơ sở đào tạo nghề chất lượng cao, học đi đôi với hành để đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực cho các ngành công nghiệp và du lịch

Giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư: chính sách huy động vốn đầu tư; nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư; ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng giao thông, các dịch vụ xã hội tại các điểm du lịch có tiềm năng nhưng chưa khai thác đúng giá trị để tạo ra những điểm du lịch hấp dẫn, ấn tượng nhằm thu hút được khách du lịch nhiều hơn.

Giải pháp phát triển cơ sở hạ tầng: phát triển hệ thống giao thông; phát triển hệ thống thông tin và truyền thông; phát triển dịch vụ thông tin và truyền thông theo hướng nâng cao chất lượng dịch vụ; đẩy nhanh tốc độ phổ cập các dịch vụ mới, trong đó chú ý đến việc phát triển dịch vụ di động, Internet, thương mại điện tử, du lịch số hóa và các dịch vụ hiện đại khác; nghiên cứu phát triển công nghệ thông tin để theo kịp cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; phát triển cơ sở hạ tầng nông nghiệp.

Giải pháp phát triển khoa học và công nghệ: xây dựng lộ trình phát triển và đổi mới công nghệ vào các ngành, lĩnh vực trọng tâm, thể mạnh của tỉnh; có chính sách thu hút lực lượng chuyên gia khoa học kỹ thuật giỏi trong và ngoài tỉnh; thường xuyên tổ chức các hội thảo giới thiệu về vai trò, ứng dụng khoa học công nghệ mới trong sản xuất kinh doanh; tọa đàm, trao đổi đúc rút kinh nghiệm trong quá trình sử dụng và đổi mới công nghệ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Asian Production Organization. (2011). *APO Productivity Databook 2011*. Tokyo, Japan, 2011. 140 pp. ISBN 92-833-7091-0
- [2]. Cục Thống kê tỉnh Hà Giang. (2016). *Niên Giám Thống Kê Tỉnh Hà Giang 2015*.
- [3]. Cục Thống kê tỉnh Hà Giang. (2021). *Niên Giám Thống Kê Tỉnh Hà Giang 2020*.
- [4]. Nguyễn Thị Cảnh. (2009). Kinh tế Việt Nam qua các chỉ số phát triển và những tác động của quá trình hội nhập. *Tạp chí Phát triển kinh tế*. số 21, trang 11-17.

- [5]. Trần Thọ Đạt. (2005). *Các mô hình tăng trưởng kinh tế*. Nhà xuất bản Thống kê.
- [6]. Nguyễn Hữu Đăng và Đỗ Văn Xê. (2017). Đóng góp của TFP trong tăng trưởng kinh tế của tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2001-2015. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, Tập 50, phần D:1-8
- [7]. Trần Quang Huy, Ngô Thị Hương Giang, Nguyễn Đức Dũng và Ngô Thị Minh Ngọc. (2020). Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp đối với tăng trưởng kinh tế tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2011 – 2018. *Tạp chí Kinh tế và Quản trị Kinh doanh*, số 13.
- [8]. Phan Nguyễn Khánh Long. (2012). Đánh giá chất lượng tăng trưởng của tỉnh Thừa Thiên Huế dưới góc độ năng suất các nhân tố sản xuất. *Tạp chí khoa học Đại học Huế*, tập 72B, số 3.
- [9]. Tăng Văn Khiên. (2005). *Tốc độ tăng năng suất các nhân tố tổng hợp phương pháp tính và ứng dụng*, NXB Thống kê.
- [10]. Lê Oanh Trường. (2015). Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế tỉnh Bình Định. *Tạp chí Thông tin khoa học Thống kê*, số 3-2015.
- [11]. Nguyễn Duy Thục. (2018). Tăng trưởng kinh tế tỉnh Bình Định, thực hiện tăng trưởng trong điều kiện mới. *Tạp chí Khoa học công nghệ và Thực phẩm*, số 16, tập, trang 117-125.
- [12]. Trung tâm Năng suất Việt Nam. (2009). *Báo cáo nghiên cứu chỉ tiêu năng suất Việt Nam 2006-2007*.

Thông tin tác giả:

1. Phan Đăng Đông

- Đơn vị công tác: Sở Khoa học và Công nghệ Hà Giang

2. Nguyễn Thị Thu Thương

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh

- Địa chỉ email: thuongtula.tueba@gmail.com

Ngày nhận bài: 04/1/2022

Ngày nhận bản sửa: 21/2/2022

Ngày duyệt đăng: 28/3/2022